

Bản án số: 433/2020/HSST
Ngày 25 /9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Nguyễn Ngọc Đức

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyễn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 425/2020/TLST-HS, ngày 8 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2020/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

Nguyễn Thị H, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 17/7/1981. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ 6, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, đã chết và bà Trần Thị T1; Chồng Đỗ Viết A, đã chết; Có 01con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 130/HSST ngày 20/8/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 20/8/2005, nộp xong án phí ngày 24/8/2007.

- Tại Quyết định về việc đưa người nghiện ma túy vào chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục LĐXH tỉnh Thái Nguyên số 1662/QĐ-UBND ngày 02/8/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa Huyền đi chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 03/8/2011.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2020 đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Công ty TNHH vàng bạc đá quý Q

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quý T, sinh năm 1958 – chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 19, đường L, tổ 3 phường H, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

** Người làm chứng:*

1. Chị Gia Thị S, sinh năm 1981. Vắng mặt.

HKTT: Xóm T, xã H, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1986. Vắng mặt.

HKTT: Tổ 6, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Anh Vũ Thế Đ, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 08, phường Qh, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

** Người chứng kiến:* Chị Chu Thị Minh Q, sinh năm: 1983. Vắng mặt.

HKTT: Xóm Đ, xã H thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp. Do không có tiền tiêu xài và trả nợ nên khoảng 9 giờ ngày 19/6/2020, H đi bộ một mình tới cửa hàng vàng, bạc, đá quý Q thuộc tổ 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt. Đến nơi, H đứng ở khu vực quầy giao dịch tầng 1 để quan sát. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, có 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch, địa chỉ) đến bán 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ thì nhân viên của cửa hàng là chị Gia Thị S (Sinh năm 1981, HKTT: Xóm T, xã H, thành phố TN) nhận chiếc nhẫn, kiểm tra, xác định giá trị tại thời điểm đó của chiếc nhẫn là 9.500.000 đồng. Chị S lấy 47 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng từ trong ngăn kéo đựng tiền của cửa hàng ra đếm bằng máy đếm tiền rồi đặt toàn bộ số tiền trên lên mặt bàn chỗ có khe trống để khách lấy tiền (bàn giao dịch có kính chắn). Người khách hàng chưa kịp lấy tiền thì H đã dùng tay phải lấy toàn bộ số tiền trên. Chị S thấy vậy đã nói “chị trả tiền cho em, đây không phải tiền của chị”. Tuy nhiên, H nói không trả và yêu cầu chị S đưa cho H đủ 15.000.000 đồng. Do sợ H cầm số tiền trên bỏ chạy nên chị S giả vờ kéo ngăn bàn lấy tiền rồi ra hiệu cho nhân viên của cửa hàng là chị Bùi Thị H1 (Sinh năm 1986, HKTT: Tổ 6, phường C, thành phố TN) để giữ H lại. Khi chị H1 đến gần vị trí H đứng, H phát hiện ra nhân viên của cửa hàng đến gần mình nên đã cho toàn bộ số tiền 9.500.000 đồng vừa lấy được vào trong áo lót ngực bên trái đang mặc rồi bỏ chạy ra phía cửa phụ của cửa hàng, chị S thấy H bỏ chạy đã hô “Cướp, cướp”. H chạy được khoảng 3m-5m thì bị chị H1 và nhân viên của cửa hàng giữ lại. Lúc này, chủ cửa hàng là ông Nguyễn Quý T (Sinh năm 1958, HKTT: tổ 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên) đã gọi điện báo Công an phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên đến giải quyết. Sau đó, Công an phường Hoàng Văn Thụ đã tiến

hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Huyền, thu giữ số tiền 9.500.000 đồng mà H chiếm đoạt được.

Hồi 11 giờ 46 phút cùng ngày, ông Nguyễn Quý T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên 01 USB nhãn hiệu DT50 loại 8Gb màu bạc có ghi chữ Kingston, bên trong chứa đoạn camera ghi lại hình ảnh Nguyễn Thị H có hành vi cướp giật tài sản tại cửa hàng Q ngày 19/6/2020

* Vật chứng của vụ án: 9.500.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hiện đã được thu hồi trả lại cho ông Nguyễn Quý T - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH vàng bạc đá quý Q quản lý. 01 USB nhãn hiệu DT50 loại 8Gb màu bạc có ghi chữ Kingston được chuyển theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Quý T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Huyền phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 435/KSĐT- KT ngày 04/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 BLHS 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thống nhất với tội danh và khung hình phạt như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố, không có oan sai.

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 171 BLHS 2015; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Thị H từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

+ Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định.

- Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo chỉ xin HĐXX xét xem cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 19/6/2020, tại cửa hàng vàng, bạc, đá quý Q của Công ty TNHH vàng bạc đá quý Q thuộc tổ 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, khi nhân viên của cửa hàng là chị Gia Thị S để số tiền 9.500.000 đồng trên mặt bàn quầy giao dịch để trả cho khách thì Nguyễn Thị H có hành vi dùng tay phải lấy toàn bộ số tiền trên cho vào áo lót ngực bên trái của H đang mặc rồi bỏ chạy. Khi H chạy được khoảng 3m - 5m thì bị nhân viên của cửa hàng Q bắt giữ và báo Công an phường Hoàng Văn Thụ đến giải quyết.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS như bản cáo trạng truy tố là đúng pháp luật. Nội dung điều luật như sau:

Điều 171 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản và xử lý vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm gương mà vẫn cố tình phạm tội điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Quý T đã nhận lại số tiền 9.500.000 đồng bị cáo chiếm đoạt và không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Vật chứng của vụ án: 01 USB nhãn hiệu DT50 loại 8Gb màu bạc có ghi chữ Kingston được lưu hồ sơ vụ án.

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt Nguyễn Thị H 30 (Ba mươi tháng) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện theo pháp luật của bị hại (ông Quý T) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

